



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...2.2.../HEID-CV  
Viv: Công bố BCTC riêng năm 2018

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**Kính gửi:** Ủy Ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

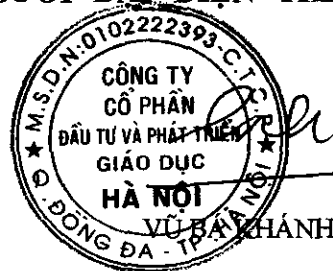
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh ( Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng năm 2018 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 31/01/2019).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố. *[Signature]*

*[Signature]* NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**  
**GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

**Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 40
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 40



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Đức Thái	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/04/2018)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

**Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**

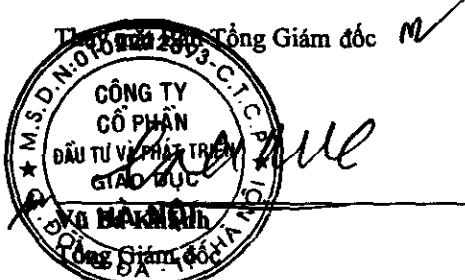
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thị trường chứng khoán Việt Nam  
Ban Tổng Giám đốc *M*  
  
Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 31/01/2019, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
HÀNG KIỂM TOÁN  
AASC**

**Đỗ Thị Ngọc Dung**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 0659-2018-002-1**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

**Nguyễn Trường Minh**

**Kiểm toán viên**

**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 2290-2018-002-1**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã TÀI SẢN số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>332.612.135.675</b>	<b>299.379.239.108</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>50.906.178.895</b>	<b>38.528.643.901</b>
111	1. Tiền	10.906.178.895	8.528.643.901
112	2. Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	30.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>15.120.950</b>	<b>17.509.750</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(103.655.450)	(101.266.650)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>87.155.552.949</b>	<b>87.864.086.223</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	57.860.056.913	66.256.346.174
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	36.519.294.520	24.419.272.712
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.768.870.017	1.537.106.608
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.992.668.501)	(4.348.639.271)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>173.030.352.492</b>	<b>161.431.056.210</b>
141	1. Hàng tồn kho	175.861.729.376	165.922.893.965
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.831.376.884)	(4.491.837.755)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>21.504.930.389</b>	<b>11.537.943.024</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	20.697.634.970	10.815.923.095
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	807.295.419	722.019.929



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>159.203.080.717</b>	<b>169.277.848.541</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>255.800.000</b>	<b>625.800.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	255.800.000	625.800.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.000.987.781</b>	<b>6.403.631.541</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.000.987.781	6.403.631.541
222	- Nguyên giá		12.024.314.134	11.451.314.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.023.326.353)	(5.047.682.593)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>300.000.000</b>	<b>6.083.658.818</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	300.000.000	6.083.658.818
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>154.201.350.000</b>	<b>153.727.340.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		127.682.000.000	127.682.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	17.581.750.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.118.650.000)	(6.592.660.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>444.942.936</b>	<b>2.437.418.182</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	444.942.936	2.437.418.182
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>491.815.216.392</b>	<b>468.657.087.649</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>231.640.087.479</b>	<b>220.769.578.040</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>231.640.087.479</b>	<b>220.769.578.040</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	32.694.645.548	35.032.222.842
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		107.182.497	281.634.141
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.315.911.291	1.201.707.585
314	4. Phải trả người lao động		13.690.623.184	10.013.199.350
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	47.054.098.969	38.489.671.335
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	389.526.326	205.009.377
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	129.574.294.984	129.185.249.702
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.813.804.680	6.360.883.708
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>260.175.128.913</b>	<b>247.887.509.609</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>260.175.128.913</b>	<b>247.887.509.609</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		60.935.861.273	51.835.845.062
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		17.239.379.502	15.369.519.543
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.054.232.190	28.736.489.056
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối năm nay		26.178.039.427	24.860.296.293
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>491.815.216.392</b>	<b>468.657.087.649</b>



Lương Ngọc Bích  
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2018

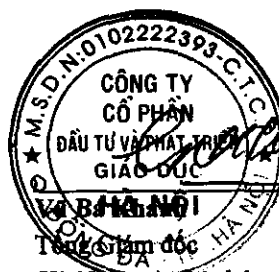
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	606.628.432.967	582.707.250.507
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	18.407.001.314	13.660.054.316
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		588.221.431.653	569.047.196.191
11	4. Giá vốn hàng bán	22	428.155.270.129	411.876.058.569
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.066.161.524	157.171.137.622
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.912.234.802	1.533.262.019
22	7. Chi phí tài chính	24	6.677.418.251	14.446.239.496
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.143.695.928	7.805.728.300
25	9. Chi phí bán hàng	25	62.188.415.897	61.830.141.609
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	46.263.499.743	37.774.407.360
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.849.062.435	44.653.611.176
31	11. Thu nhập khác		95.640.714	385.349.274
32	12. Chi phí khác	27	366.841.047	646.448.080
40	13. Lợi nhuận khác		(271.200.333)	(261.098.806)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.577.862.102	44.392.512.370
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	10.180.662.921	8.877.803.381
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.397.199.181	35.514.708.989



Lương Ngọc Bích  
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
 Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		47.577.862.102	44.392.512.370
	2. Điều chỉnh cho các khoản		14.733.109.603	7.740.821.537
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.975.643.760	2.301.111.678
03	- Các khoản dự phòng		7.511.947.159	(587.196.618)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.898.177.244)	(1.778.821.823)
06	- Chi phí lãi vay		7.143.695.928	7.805.728.300
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.310.971.705	52.133.333.907
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.903.665.200)	(16.629.451.441)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.938.835.411)	(8.918.562.445)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.269.029.020	20.724.042.109
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.889.236.629)	1.217.876.152
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.148.147.548)	(7.840.757.895)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.227.058.675)	(9.061.728.260)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.000.000	110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.163.658.905)	(4.501.628.785)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.316.398.357	27.233.123.342
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(663.447.000)	(1.889.844.636)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	304.545.454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.835.538.355	1.533.651.369
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.172.091.355	4.948.352.187
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		369.475.644.113	343.811.091.892
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(369.086.598.831)	(365.676.340.683)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(18.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.110.954.718)	(39.865.248.791)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.377.534.994	(7.683.773.262)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		38.528.643.901	46.212.417.163
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	50.906.178.895	38.528.643.901

Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Cuối năm 2017, công việc đấu thầu lựa chọn nhà in diễn ra chậm hơn khoảng 01 tháng so với các năm trước, nên Công ty xuất bản vật tư là giấy cho các nhà in theo các hợp đồng in trọn gói được thực hiện chủ yếu vào đầu năm 2018. Do đó, doanh thu bán vật tư năm nay tăng mạnh so với năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải       | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

## 2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2.11. Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

### 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

### 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### 2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.19. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### 2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

5-C  
Y  
TU H  
TOÁ  
C  
IP. H

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	568.147.524	369.510.561
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.338.031.371	8.159.133.340
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	40.000.000.000	30.000.000.000
	<b>50.906.178.895</b>	<b>38.528.643.901</b>

<sup>(1)</sup> Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng giá trị 40.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm.

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	21.108.373.124	(10.554.186.562)	28.432.271.569	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	5.503.391.770	(307.035.060)	3.998.851.978	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	2.191.175.374	-	4.491.531.329	(610.620.052)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương	3.076.043.774	(286.876.920)	2.607.456.026	(376.964.557)
- Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hà Giang	3.590.957.866	(1.795.478.933)	4.318.387.453	(2.110.991.732)
- Các khách hàng khác	22.390.115.005	(1.049.091.026)	22.407.847.819	(1.250.062.930)
	<b>57.860.056.913</b>	<b>(13.992.668.501)</b>	<b>66.256.346.174</b>	<b>(4.348.639.271)</b>
<b>b) Các bên liên quan</b>	<b>25.893.704.782</b>	<b>(10.554.186.562)</b>	<b>29.888.128.227</b>	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)				

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	2.089.275.717	-	4.303.512.130	-
- Nhà Máy in Bộ tổng tham mưu	17.422.621.831	-	7.871.064.457	-
- Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ Hà Nội	1.314.547.021	-	2.552.285.821	-
- Trả trước cho người bán khác	15.692.849.951	-	9.692.410.304	-
	<b>36.519.294.520</b>	<b>-</b>	<b>24.419.272.712</b>	<b>-</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi tiền gửi	62.638.889	-	-	-
Tạm ứng	586.946.310	-	452.583.500	-
Ký cược, ký quỹ	145.179.000	-	-	-
Phải thu khác	5.974.105.818	-	1.084.523.108	-
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội <sup>①</sup>	5.874.105.818	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	100.000.000	-	1.084.523.108	-
	<b>6.768.870.017</b>	<b>-</b>	<b>1.537.106.608</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	255.800.000	-	225.800.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Trạng nguyên Tiếng Việt	-	-	400.000.000	-
	<b>255.800.000</b>	<b>-</b>	<b>625.800.000</b>	<b>-</b>

<sup>①</sup> Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Ngày 22/06/2018 và ngày 09/08/2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương xử lý dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Đến nay, Công ty và các bên liên quan vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết theo chủ trương nêu trên. Khoản góp vốn đã được Công ty phân loại sang theo dõi trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Xem thêm Thuyết minh số 11).

**7. NỢ XẤU**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam <sup>(1)</sup>	21.108.373.124	10.554.186.562	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.023.450.200	716.415.140	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Giang	3.590.957.866	1.795.478.933	4.318.387.453	2.207.395.721
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	-	-	4.491.531.329	3.880.911.277
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hải Dương	956.256.400	669.379.480	1.256.548.523	879.583.966
Các đối tượng khác	1.920.805.829	871.714.803	4.858.149.310	3.608.086.380
	<b>28.599.843.419</b>	<b>14.607.174.918</b>	<b>14.924.616.615</b>	<b>10.575.977.344</b>

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

<sup>(1)</sup> Do tình hình tiêu thụ bộ sách tiếng anh Express gặp nhiều thử thách nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.688.742.246	-	59.234.355.379	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.160.217.354	-	7.850.898.448	-
Thành phẩm	24.924.920.650	(2.831.376.884)	26.481.391.788	(4.491.837.755)
Hàng hoá	45.099.564.184	-	64.519.340.793	-
Hàng gửi đi bán	4.988.284.942	-	7.836.907.557	-
	<b>175.861.729.376</b>	<b>(2.831.376.884)</b>	<b>165.922.893.965</b>	<b>(4.491.837.755)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét hiện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ <sup>(i)</sup>	11.372.329.333	10.284.397.759
- Chi phí thuê kho, cửa hàng chờ phân bổ	3.225.953.637	216.900.001
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bán chờ phân bổ <sup>(ii)</sup>	6.099.352.000	314.625.335
	<b>20.697.634.970</b>	<b>10.815.923.095</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí thuê kho, thuê cửa hàng	444.942.936	2.437.418.182
	<b>444.942.936</b>	<b>2.437.418.182</b>

<sup>(i)</sup> Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

<sup>(ii)</sup> Phí bán thảo, phí quản lý xuất bán được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.011.260.988	440.053.146	11.451.314.134
- Mua trong năm	-	573.000.000	573.000.000
Số dư cuối năm	<b>11.011.260.988</b>	<b>1.013.053.146</b>	<b>12.024.314.134</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.696.619.312	351.063.281	5.047.682.593
- Khấu hao trong năm	2.739.017.784	236.625.976	2.975.643.760
Số dư cuối năm	<b>7.435.637.096</b>	<b>587.689.257</b>	<b>8.023.326.353</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.314.641.676	88.989.865	6.403.631.541
Tại ngày cuối năm	<b>3.575.623.892</b>	<b>425.363.889</b>	<b>4.000.987.781</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.232.750.216 VND.



**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội <sup>(i)</sup>	-	5.783.658.818
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa <sup>(ii)</sup>	300.000.000	300.000.000
	<b>300.000.000</b>	<b>6.083.658.818</b>

<sup>(i)</sup> Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên. Khoản góp vốn này đã được Công ty phân loại sang khoản mục Phải thu ngắn hạn khác (Xem tại thuyết minh 6).

<sup>(ii)</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>127.682.000.000</b>	<b>-</b>	<b>127.682.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>14.056.250.000</b>	<b>-</b>	<b>14.056.250.000</b>	<b>-</b>
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>17.581.750.000</b>	<b>(6.118.650.000)</b>	<b>17.581.750.000</b>	<b>(6.592.660.000)</b>
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam	6.000.000.000	(552.000.000)	6.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục <sup>(i)</sup>	10.369.250.000	(5.566.650.000)	10.369.250.000	(6.592.660.000)
	<b>159.320.000.000</b>	<b>(6.118.650.000)</b>	<b>159.320.000.000</b>	<b>(6.592.660.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(i)</sup> Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) được Công ty trích lập dự phòng căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu Công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM vào ngày 28/12/2018 là 4.400 đồng/cổ phiếu.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89%	89%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh Bất động sản; Đầu tư tài chính

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Trái phiếu <sup>(ii)</sup>	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

<sup>(ii)</sup> Đây là khoản đầu tư mua 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.745.521.502	8.745.521.502	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.483.555.843	3.483.555.843	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	20.465.568.203	20.465.568.203	35.032.222.842	35.032.222.842
	<b>32.694.645.548</b>	<b>32.694.645.548</b>	<b>35.032.222.842</b>	<b>35.032.222.842</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<b>13.788.390.312</b>	<b>13.788.390.312</b>	<b>531.810.340</b>	<b>531.810.340</b>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	429.369.694	1.932.947.177	2.119.182.841	-	243.134.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.638.461	-	10.180.662.921	9.227.058.675	-	763.965.785
Thuế thu nhập cá nhân	527.538.468	772.337.891	5.607.666.573	6.346.106.939	802.452.419	308.811.476
Các loại thuế khác	4.843.000	-	-	-	4.843.000	-
	<b>722.019.929</b>	<b>1.201.707.585</b>	<b>17.721.276.671</b>	<b>17.692.348.455</b>	<b>807.295.419</b>	<b>1.315.911.291</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	72.748.091	77.199.711
Trích trước phí quản lý xuất bản	25.730.226.698	25.595.412.048
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in	14.465.368.843	9.991.803.406
Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm	4.832.585.522	-
Chi phí phải trả khác	1.953.169.815	2.825.256.170
	<b>47.054.098.969</b>	<b>38.489.671.335</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	273.719.412	-203.155.892
Bảo hiểm xã hội	-	1.476.996
Bảo hiểm y tế	-	260.646
Bảo hiểm thất nghiệp	-	115.843
Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.806.914	-
	<b>389.526.326</b>	<b>205.009.377</b>

C.T.  
 HẠN  
 JÁN  
 P. H.T.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	74.560.075.423	74.560.075.423	326.847.148.720	347.909.560.851	53.497.663.292	53.497.663.292
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	43.357.032.851	43.357.032.851	9.839.155.094	200.000.000	52.996.187.945	52.996.187.945
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	11.268.141.428	11.268.141.428	32.789.340.299	20.977.037.980	23.080.443.747	23.080.443.747
	<b>129.185.249.702</b>	<b>129.185.249.702</b>	<b>369.475.644.113</b>	<b>369.086.598.831</b>	<b>129.574.294.984</b>	<b>129.574.294.984</b>

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	5,80%	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	53.497.663.292	74.560.075.423
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	VND	5,50%	Tín chấp	52.996.187.945	43.357.032.851
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng kế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	23.080.443.747	11.268.141.428
				<b>129.574.294.984</b>	<b>129.185.249.702</b>

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan

Khoản vay đối với các bên liên quan của Công ty trong năm là khoản vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con), trong đó: Gốc vay tại thời điểm 01/01/2018 và 31/12/2018 lần lượt là 43.357.032.851 VND và 52.996.187.945 VND; Chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2017 và năm 2018 lần lượt là 2.074.335.253 VND và 2.606.501.524 VND.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	41.745.936.703	13.593.784.094	28.414.630.223	235.700.006.968
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	35.514.708.989	35.514.708.989
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác	-	-	10.089.908.359	1.775.735.449	(11.865.643.808)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.551.470.899)	(3.551.470.899)
Trích lập Quỹ điều hành	-	-	-	-	(1.775.735.449)	(1.775.735.449)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>51.835.845.062</b>	<b>15.369.519.543</b>	<b>28.736.489.056</b>	<b>247.887.509.609</b>
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	51.835.845.062	15.369.519.543	28.736.489.056	247.887.509.609
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	37.397.199.181	37.397.199.181
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.360.296.293	-	(5.360.296.293)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(5.609.579.877)	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	-	-	(3.739.719.918)	(3.739.719.918)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	-	-	-	-	(1.869.859.959)	(1.869.859.959)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>60.935.861.273</b>	<b>17.239.379.502</b>	<b>30.054.232.190</b>	<b>260.175.128.913</b>

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**  
Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2017 trên Báo cáo tài chính riêng		35.514.708.989
Đã tạm phân phối trong năm 2017 như sau		10.654.412.696
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.551.470.899
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.775.735.449
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.775.735.449
Phân phối phần lợi nhuận năm 2017 còn lại trong năm nay		24.860.296.293
- Trích Quỹ đầu tư phát triển		5.360.296.293
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	13%/cổ phần	19.500.000.000
Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối		-

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2018 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh năm 2018 Báo cáo tài chính riêng sau thuế		37.397.199.181
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.739.719.918
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.739.719.918
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.869.859.959
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.869.859.959
Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối		26.178.039.427

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	11.665.890.000	7,78%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	74.356.110.000	49,57%	70.272.110.000	46,85%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.500.000.000	18.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>19.500.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	18.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>19.500.000.000</i>	<i>18.000.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	-	-

## d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	60.935.861.273	51.835.845.062
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.239.379.502	15.369.519.543
	<b>78.175.240.775</b>	<b>67.205.364.605</b>

## 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	9.283.057.727	7.879.650.909
- Từ 1 năm đến 5 năm	16.479.450.909	20.009.730.909
- Trên 5 năm	-	4.962.632.727



**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	332.165.028.371	271.854.418.690
Doanh thu bán sách tham khảo	156.947.486.612	232.975.255.757
Doanh thu bán vật tư	60.507.742.138	30.995.372.401
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	57.008.175.846	46.882.203.659
	<b>606.628.432.967</b>	<b>582.707.250.507</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<b>131.744.045.520</b>	<b>157.586.671.660</b>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.942.016.232	9.738.727.120
Hàng bán bị trả lại	5.464.985.082	3.921.327.196
	<b>18.407.001.314</b>	<b>13.660.054.316</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	207.965.509.275	164.267.014.971
Giá vốn bán sách tham khảo	124.471.757.043	197.426.947.973
Giá vốn bán vật tư	61.656.575.482	32.048.408.687
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	35.721.889.200	27.259.320.353
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.660.460.871)	(9.125.633.415)
	<b>428.155.270.129</b>	<b>411.876.058.569</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.826.802.244	402.023.869
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.375.000	1.072.252.500
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	14.057.558	58.985.650
	<b>2.912.234.802</b>	<b>1.533.262.019</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.143.695.928	7.805.728.300
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(471.621.200)	6.594.142.400
Chi phí tài chính khác	5.343.523	46.368.796
	<b>6.677.418.251</b>	<b>14.446.239.496</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	329.805.469	70.374.422
Chi phí nhân công	22.604.399.758	18.108.954.283
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	320.848.821	92.623.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	372.083.040	369.138.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.403.699.030	23.316.314.996
Chi phí khác bằng tiền	18.157.579.779	19.872.736.325
	<b>62.188.415.897</b>	<b>61.830.141.609</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.237.706.370	3.903.435.834
Chi phí nhân công	12.206.674.768	10.710.713.110
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	264.814.736	395.045.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603.560.720	1.931.973.640
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	9.644.029.230	1.944.294.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.199.753.526	9.007.835.827
Chi phí khác bằng tiền	7.103.960.393	9.878.108.655
	<b>46.263.499.743</b>	<b>37.774.407.360</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	246.877.352	12.624.248
Các khoản khác	119.963.695	633.823.832
	<b>366.841.047</b>	<b>646.448.080</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.577.862.102	44.392.512.370
Các khoản điều chỉnh tăng	761.534.130	1.068.757.037
- Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND	354.656.779	337.956.087
- Các khoản tiền phạt	246.877.352	12.624.248
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	159.999.999	160.000.002
- Chi phí không hợp lệ	-	558.176.700
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.071.375.000)	(1.072.252.500)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.071.375.000)	(1.072.252.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	47.268.021.232	44.389.016.907
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	727.058.675	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>10.180.662.921</b>	<b>8.877.803.381</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(189.638.461)	(5.713.582)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.227.058.675)	(9.061.728.260)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>763.965.785</b>	<b>(189.638.461)</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.762.841.786	152.558.139.777
Chi phí nhân công	34.811.074.526	28.819.667.393
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	585.663.557	487.669.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.975.643.760	2.301.111.678
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	9.644.029.230	1.944.294.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.567.841.050	131.114.726.915
Chi phí khác bằng tiền	25.261.540.172	29.750.844.980
	<b>353.611.634.081</b>	<b>346.979.454.582</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.906.178.895	-	38.528.643.901	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.884.726.930	(13.992.668.501)	68.419.252.782	(4.348.639.271)
Các khoản cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(103.655.450)	118.776.400	(101.266.650)
Đầu tư dài hạn	11.581.750.000	(5.566.650.000)	11.581.750.000	(6.592.660.000)
	<b>128.491.432.225</b>	<b>(19.662.973.951)</b>	<b>119.648.423.083</b>	<b>(11.042.565.921)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	129.574.294.984	129.185.249.702
Phải trả người bán, phải trả khác	33.084.171.874	35.237.232.219
Chi phí phải trả	47.054.098.969	38.489.671.335
	<b>209.712.565.827</b>	<b>202.912.153.256</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	15.120.950	-	-	15.120.950
Đầu tư dài hạn	-	6.015.100.000	-	6.015.100.000
	<b>15.120.950</b>	<b>6.015.100.000</b>	<b>-</b>	<b>6.030.220.950</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Đầu tư ngắn hạn	17.509.750	-	-	17.509.750
Đầu tư dài hạn	-	4.989.090.000	-	4.989.090.000
	<b>17.509.750</b>	<b>4.989.090.000</b>	<b>-</b>	<b>5.006.599.750</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền	50.906.178.895	-	-	50.906.178.895
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.636.258.429	255.800.000	-	50.892.058.429
Các khoản cho vay	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>101.542.437.324</b>	<b>255.800.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>102.798.237.324</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.528.643.901	-	-	38.528.643.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	63.444.813.511	625.800.000	-	64.070.613.511
Các khoản cho vay	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>101.973.457.412</b>	<b>625.800.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>103.599.257.412</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	129.574.294.984	-	-	129.574.294.984
Phải trả người bán, phải trả khác	33.084.171.874	-	-	33.084.171.874
Chi phí phải trả	47.054.098.969	-	-	47.054.098.969
	<u>209.712.565.827</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>209.712.565.827</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	129.185.249.702	-	-	129.185.249.702
Phải trả người bán, phải trả khác	35.237.232.219	-	-	35.237.232.219
Chi phí phải trả	38.489.671.335	-	-	38.489.671.335
	<u>202.912.153.256</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>202.912.153.256</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

#### a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

#### h) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

### 32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau (Riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17):

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>131.744.045.520</b>	<b>157.586.671.660</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	344.669.809	114.072.097
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty con	2.874.197.067	2.015.139.436
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn	118.350.633	20.530.786
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	36.675.144.501	29.763.941.891
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	18.972.111.120	13.307.501.305
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	11.568.342.324	8.580.043.545
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	8.457.054.496	8.521.138.931
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	7.550.281.399	1.630.580.949
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	22.212.264.318	63.085.081.941
Công ty CP MI thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	4.995.486.084	3.750.695.844
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.975.729.429	5.708.398.858
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	3.682.800	3.780.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	5.021.528.492	57.571.429
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	305.195.236	7.810.621.046
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	155.734.900	732.008.151
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	731.503.999	1.791.266.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Điện Biên	Cùng Tập đoàn	9.719.420.463	10.694.298.871
Côn ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	60.507.370	-
Công ty CP Đầu tư & Xuất bản giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.841.080	-

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**  
Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản</b>		<b>87.529.336.539</b>	<b>68.558.086.479</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	51.739.340.827	46.066.641.154
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	3.694.341.998	2.328.790.514
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	142.359.618	86.689.524
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	218.743.732	330.520.519
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	4.231.484.755	476.628.632
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	103.136.260	285.874.128
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	48.783.689	104.904.230
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.522.618.419	3.371.432.155
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.504.441.408	2.351.625.522
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	4.800.220.577	185.037.527
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	5.043.324.207	3.171.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.480.541.049	9.798.692.574
<b>Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác</b>		<b>7.425.880.288</b>	<b>6.996.568.993</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	5.416.403.591	5.297.450.792
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.658.652.727	1.351.200.001
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	350.823.970	347.918.200
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		<b>1.071.250.000</b>	<b>1.071.250.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Tây	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
<b>Lãi vay phải trả</b>		<b>2.606.501.524</b>	<b>2.074.335.253</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	2.606.501.524	2.074.335.253



**NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**  
 Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>25.893.704.782</b>	<b>29.888.128.227</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	255.880.128	472.274.367
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	2.141.619.747	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	41.953.973	-
Công ty CP MI thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	395.362.735	186.610.798
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.737.111.280	387.103.340
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	41.871.700	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	1.566.120
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	21.108.373.124	28.432.271.569
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	80.368.462	73.520.770
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	82.388.633	334.781.263
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	8.775.000	-
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>10.959.810</b>	<b>-</b>
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	10.959.810	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>13.788.390.312</b>	<b>531.810.340</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	8.745.521.502	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	3.483.555.843	-
Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	26.628.632
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	1.169.280	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.489.494.051	505.181.708
Công ty P Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	22.315.600	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	46.050.036	-
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn	284.000	-
<b>Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:</b>			
		<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		814.282.591	895.799.936
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2.355.197.630	2.508.036.669

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo
			cáo năm trước
			VND
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	35.032.222.842	78.389.255.693
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	129.185.249.702	85.828.216.851



Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019